

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2021

“V/v Xin ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phương Minh Thành

2. Ông Lâm Hoàng Việt

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, về việc *“Xin ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kha L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Phương Thạnh, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: **Kiên Bình**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kha L trình bày và yêu cầu như sau: Tôi và ông Kiên B được hai bên gia đình cho tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào ngày 09/4/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 Quyển số 01. Chúng tôi có 02 con chung tên Kiên Ngọc Yến L, sinh ngày 29/10/2007 và Kiên Ngọc Yến T, sinh ngày 11/8/2011. Khoảng cuối năm 2015 giữa tôi và ông B phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống nên chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy cuộc

hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Kiên B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Kiên Ngọc Yến L, sinh ngày 29/10/2007 và Kiên Ngọc Yến T, sinh ngày 11/8/2011, tại đơn khởi kiện tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nếu nguyện vọng của 02 con muốn được tiếp tục sống chung với cha và ông B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì tôi thống nhất giao con cho ông B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con do ông B không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Do tình hình dịch bệnh và tính chất công việc nên nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa bị đơn ông Kiên B có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Kha L về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Bản thân ông nhận thấy hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà Kha L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý thống nhất theo yêu cầu của bà Lê Thị Kha L. Về con chung: Có 02 con chung tên Kiên Ngọc Yến L, sinh ngày 29/10/2007 và Kiên Ngọc Yến T, sinh ngày 11/8/2011, hiện nay đang do ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Kha L thống nhất giao cho ông được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con thì ông thống nhất nhận nuôi phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên. Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Do tình hình dịch bệnh và bận công việc nên bị đơn không có thời gian tham gia phiên tòa, yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị Kha L và ông Kiên B xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào ngày 09/4/2009 nên quan hệ hôn nhân bà Lê Thị Kha L và ông Kiên B là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê Thị Kha L khai rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông Kiên B thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân khoảng 05 năm nay không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào lời khai của bà Kha L cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Kiên B để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa hai bên để tìm giải pháp cho hai bên thỏa thuận, đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên đương sự không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Ông Kiên B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vậy nên, Hội đồng xét xử nhận thấy sự việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị Kha L và ông Kiên B đã trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn tình cảm nên việc bà Lê Thị Kha L yêu cầu ly hôn với ông Kiên B là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Lê Thị Kha L và ông Kiên B thống nhất giao 02 con chung tên Kiên Ngọc Yến L, sinh ngày 29/10/2007 và Kiên Ngọc Yến T, sinh ngày 11/8/2011, cho ông Kiên B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Kha L không phải cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kha L và ông Kiên B thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Kha L và ông Kiên B thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 91, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kha L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kha L được ly hôn với ông Kiên B.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Lê Thị Kha L với ông Kiên B thống nhất giao 02 con chung tên Kiên Ngọc Yến L, sinh ngày 29/10/2007 và Kiên Ngọc Yến T, sinh ngày 11/8/2011 cho ông Kiên B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Kha L không phải cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Đương sự đã được Tòa án đã giải thích biết về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, nhưng đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kha L và ông Kiên B thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Kha L và ông Kiên B thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Kha L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0003105 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên bà Ly không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thảo Ngoan